

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ CÔNG THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35/2015/TT-BCT

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2015

THÔNG TƯ

Quy định về bảo vệ môi trường ngành Công Thương

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về bảo vệ môi trường ngành Công Thương.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về bảo vệ môi trường ngành Công Thương trong việc lập, điều chỉnh chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án; trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; chế độ kiểm tra, báo cáo và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường ngành Công Thương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG LẬP CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH

Điều 3. Lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

1. Hàng năm, Vụ Kế hoạch có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ Công Thương phê duyệt danh mục các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành phải lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (sau đây gọi là báo cáo ĐMC).

2. Trên cơ sở danh mục đã được phê duyệt, đơn vị được giao chủ trì xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành Công Thương (sau đây gọi là đơn vị chủ trì) xây dựng đề cương và dự toán kinh phí lập báo cáo ĐMC trình Lãnh đạo Bộ Công Thương phê duyệt.

3. Đơn vị chủ trì có trách nhiệm xây dựng báo cáo ĐMC theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường (sau đây gọi là Nghị định số 18/2015/NĐ-CP) trong quá trình xây dựng hoặc điều chỉnh chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành Công Thương, đồng thời, gửi xin ý kiến Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Vụ Kế hoạch và các cơ quan, đơn vị có liên quan đối với báo cáo ĐMC trước khi gửi thẩm định theo quy định.

4. Hình thức và nội dung báo cáo ĐMC theo quy định tại Phụ lục 1.2 và 1.3 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường (sau đây gọi là Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT).

Điều 4. Thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐMC

1. Đơn vị chủ trì lập Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo ĐMC theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo Khoản 1 Điều 16 Luật Bảo vệ môi trường để tổ chức thẩm định.

Việc tổ chức thẩm định thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP và Chương V Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT.

2. Đối với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương, đơn vị chủ trì có trách nhiệm lập Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo ĐMC gửi Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp tổ chức thẩm định, báo cáo Lãnh đạo Bộ Công Thương xem xét, phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch. Trình tự như sau:

a) Trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan thẩm định có trách nhiệm tổ chức thẩm định báo cáo ĐMC;

b) Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp Hội đồng thẩm định, cơ quan thẩm định thông báo bằng văn bản về kết quả thẩm định cho đơn vị chủ trì;

c) Trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định, đơn vị chủ trì có trách nhiệm hoàn thiện báo cáo ĐMC theo ý kiến thẩm định, tích hợp kết quả thực hiện ĐMC vào dự thảo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và gửi cơ quan thẩm định hồ sơ báo cáo ĐMC theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT.

Điều 5. Kinh phí lập, thẩm định báo cáo ĐMC

1. Kinh phí lập báo cáo ĐMC được bố trí trong kinh phí xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch do ngân sách nhà nước bảo đảm từ nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế và các nguồn khác nếu có.

2. Kinh phí cho hoạt động thẩm định báo cáo ĐMC được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước chi hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường.

Chương III

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 6. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và Kế hoạch bảo vệ môi trường

1. Chủ dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 18/2015/NĐ-CP có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (sau đây gọi là báo cáo ĐTM) theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP. Việc lập báo cáo ĐTM phải thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị dự án.

Hình thức và nội dung báo cáo ĐTM theo quy định tại Phụ lục 2.2 và 2.3 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT.

2. Chủ dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại Điều 29 Luật Bảo vệ môi trường có trách nhiệm đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường theo Điều 18 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP và Điều 33 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

Hình thức và nội dung Kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 5.4, 5.5 và 5.6 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT.

Điều 7. Thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM

1. Chủ dự án có trách nhiệm lập hồ sơ báo cáo ĐTM theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP để tổ chức thẩm định, phê duyệt.

Việc thẩm định báo cáo ĐTM được tiến hành thông qua Hội đồng thẩm định và tổ chức hoạt động thẩm định theo quy định tại Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT.

2. Cơ quan thẩm định thông báo bằng văn bản cho Chủ dự án để nộp phí thẩm định báo cáo ĐTM theo Thông tư số 218/2010/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định ĐTM hoặc quy định khác có liên quan.

3. Sau khi nhận được thông báo kết quả thẩm định, Chủ dự án tiến hành chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo ĐTM và gửi về cơ quan thẩm định để xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt đầu tư của Bộ Công Thương nhưng không thuộc danh mục các dự án quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 18/2015/NĐ-CP, Chủ dự án lập Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo ĐTM theo quy định gửi Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp tổ chức thẩm định, trình Lãnh đạo Bộ Công Thương phê duyệt. Trình tự như sau:

a) Trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan thẩm định có trách nhiệm tổ chức thẩm định báo cáo ĐTM;

b) Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp Hội đồng thẩm định, cơ quan thẩm định thông báo bằng văn bản về kết quả thẩm định cho Chủ dự án;

c) Trong thời hạn không quá 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định, Chủ dự án có trách nhiệm hoàn thiện báo cáo ĐTM theo ý kiến thẩm định, gửi cơ quan thẩm định trình Lãnh đạo Bộ Công Thương xem xét, phê duyệt.

Điều 8. Kiểm tra, xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án

Dự án thuộc đối tượng phải xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 18/2015/NĐ-CP, Chủ dự án có trách nhiệm lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường gửi cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM kiểm tra, xác nhận trước khi dự án vào vận hành chính thức.

Điều 9. Kinh phí lập, thẩm định báo cáo ĐTM

1. Kinh phí lập báo cáo ĐTM được bố trí từ nguồn vốn đầu tư dự án.

2. Kinh phí cho hoạt động thẩm định báo cáo ĐTM được bố trí từ nguồn thu phí thẩm định báo cáo ĐTM.

3. Kinh phí cho hoạt động kiểm tra, xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường.

Điều 10. Các quy định bảo vệ môi trường trong giai đoạn lập dự án đầu tư đối với một số lĩnh vực đặc thù

1. Các dự án có hoạt động khai thác nước mặt (bao gồm cả nước biển), khai thác, sử dụng nước dưới đất phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh phải xin cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất, Giấy phép khai thác, sử dụng nước biển theo quy định về quản lý tài nguyên nước.

2. Các dự án có hoạt động xả nước thải vào các nguồn tiếp nhận phải lập Hồ sơ xin cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định về quản lý tài nguyên nước, trừ trường hợp xả nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đã được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước và có thỏa thuận hoặc hợp đồng xử lý, tiêu thoát nước thải với tổ chức, cá nhân quản lý vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung.

3. Đối với dự án xây dựng nhà máy thủy điện có hồ chứa nước, trước khi thực hiện tích nước Chủ dự án phải lập kế hoạch thu dọn vệ sinh lòng hồ trình cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM để kiểm tra, chấp thuận bằng văn bản.

4. Đối với các dự án khai thác khoáng sản

a) Xây dựng kế hoạch và thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường cho toàn bộ quá trình khai thác khoáng sản trình cơ quan quản lý có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

b) Thực hiện ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường.

Chương IV**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH****Điều 11. Các quy định bảo vệ môi trường chung của cơ sở sản xuất, kinh doanh**

Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh có trách nhiệm

1. Lập kế hoạch quản lý môi trường và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hoạt động sản xuất, kinh doanh sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt.

2. Vận hành các công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất và khí thải đúng quy trình đã phê duyệt trong báo cáo ĐTM hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường đã xác nhận.

3. Thực hiện phân loại và quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường trong trường hợp không tự xử lý.

4. Đối với chất thải nguy hại, phải lập sổ đăng ký chủ nguồn thải, phân loại theo các nhóm khác nhau, lưu giữ trong kho chứa và quản lý theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.